

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/ KDTM-PT  
Ngày 26 tháng 01 năm 2021  
V/v: “tranh chấp hợp đồng bảo  
hiểm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Vũ Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Trương  
Thị Hồng Hoa– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25/12/2020 và 15, 26/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số  
163/2020/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp  
đồng bảo hiểm”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày  
16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6234/2020/QĐ-PT  
ngày 09/12/2020; Quyết định ngừng phiên tòa số 20089/2020/QĐ-PT ngày  
25/12/2020 và số 603/2021/QĐ-PT ngày 15/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: Số 77, Ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Tiến Đ

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Văn V1 (có mặt)

1.2. Ông Phạm Văn V2 (có mặt)

Theo cùng Giấy ủy quyền số 03/2020 ngày 01/12/2020 của Công ty  
TNHH A.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Bảo hiểm P

Địa chỉ: Tầng 4 Cr3-04A, số 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ho, Feng T

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn H1 sinh năm 1988 (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Như K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2.3. Ông Đỗ Minh H2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

2.4. Bà Nguyễn Thị Thu H3 sinh năm 1986 (có mặt)

2.5. Bà Huỳnh Thị Nhật L sinh năm 1994 (vắng mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 01/20/UQ-PAC ngày 02/01/2020; số 03/20/UQ-PAC ngày 12/02/2020 và số 11/20/UQ-PAC ngày 08/6/2020 của Công ty cổ phần bảo hiểm P.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH O (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lô DVTM-2 và DVTM-3, Đường số 7, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Phòng 6, Tầng 15, Tòa nhà A&B, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J Lloyd White

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Ngọc T1

Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ ngày 08/12/2020

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần bảo hiểm P là bị đơn

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/10/2015 Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) mua của Công ty TNHH O (gọi tắt là Công ty O) 01 xe ô tô Mercedes Benz – GL350 CDI 4MATIC (số máy: 64282641710704, số khung: WDC16682314612335), mang biển số 62A – 045.16, do Công ty TNHH A làm chủ sở hữu. Theo đó, Công ty TNHH O khuyến mãi cho công ty A 01 hợp đồng bảo hiểm mở rộng, được ký giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (gọi tắt là Công ty P) với Công ty O (là người mua bảo hiểm), đối tượng được bảo hiểm là xe ô tô biển số 62A – 045.16 do công ty A làm chủ sở hữu, có điều khoản: “P chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe ô tô chi phí thay thế, sửa chữa hợp lý của bất kỳ bộ phận, với điều kiện việc thay thế, sửa chữa đó: “Là bắt buộc phải tiến hành khi bộ phận đó đã hư hỏng do lỗi kỹ thuật; và Xảy ra và thông báo trong thời hạn bảo hiểm”. Trong quá trình sử dụng xe, ngày 11/8/2018 lái xe của Công ty A phát hiện xe bị nghiêng phía sau bên phải, trong ngày Công ty A đã thông báo sự cố kỹ thuật

của xe cho Công ty P. Ngày 13/8/2018 Công ty A đưa xe đến Công ty O chi nhánh Tân Thuận để kiểm tra, sửa chữa khắc phục sự cố và trả số tiền là: 43.259.535 đồng.

Ngày 07/10/2018 lái xe của Công ty A phát hiện xe phát ra tiếng kêu, trong ngày Công ty A thông báo sự cố của xe cho Công ty P. Ngày 08/10/2018 Công ty A đưa xe đến Công ty O chi nhánh Phú Mỹ Hưng để sửa chữa khắc phục sự cố và trả số tiền là: 82.704.490 đồng. Qua hai lần sửa chữa Công ty A trả cho Công ty O số tiền là 125.964.025 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).

Công ty A đã làm thủ tục bảo hiểm yêu cầu Công ty P bồi thường nhưng đến nay vẫn chưa được bồi thường. Ngày 18/10/2018 Công ty A nhận được công văn số 459/18/PAC-GDBT của Công ty P về việc “đề nghị phối hợp” đề yêu cầu đại lý Mercedes cung cấp văn bản về việc bảo dưỡng, bảo trì xe 62A - 045.16. Công ty A đã cung cấp đủ tài liệu, chứng từ cho Công ty P. Ngày 17/12/2018 Công ty A có công văn yêu cầu Công ty P thanh toán, chi trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa. Ngày 24/12/2018 Công ty A nhận được công văn số 668/18/PAC-GDBT ngày 20/12/2018 của Công ty P với nội dung từ chối nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty A, với lý do: “chủ xe không chăm sóc, sử dụng xe theo như sổ tay hướng dẫn sử dụng . . .”. Việc Công ty P từ chối trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty A là không có căn cứ, không phù hợp và không đúng thực tế với quá trình vận hành, bảo dưỡng, bảo trì xe và vi phạm các cam kết về nội dung cung cấp dịch vụ bảo hiểm đã ký, gây thiệt hại cho Công ty A. Vì vậy, Công ty A yêu cầu Công ty P bồi thường thiệt hại về việc khắc phục sự cố, thay thế phụ tùng đối với các hỏng hóc kỹ thuật của xe ô tô biển số 62A – 045.16 cho Công ty TNHH A với tổng số tiền là: 125.964.000 đồng (tính tròn số).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 05/01/2016, Công ty P cấp Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số PD02MOV1600019 cho Công ty TNHH O chi nhánh Trường Chinh là người mua bảo hiểm. Đối tượng bảo hiểm là xe ô tô Mercedes Benz – GL 350 CDI 4MATIC, mang biển số 62A – 045.16 do Công ty A làm chủ sở hữu. Phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm là mở rộng thời gian bảo hành cho xe ô tô theo các điều khoản, điều kiện quy định tại Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ/BH-PAC-15 ngày 23/3/2015 của Công ty P (Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô). Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 125.964.000 đồng, bị đơn không đồng ý vì các lý do sau:

- Ngày 11/8/2018, lái xe của Công ty A phát hiện xe ô tô bị nghiêng phía sau bên phải, không mở được cốp sau và mở cốp bằng tay bị kêu (theo bản chụp thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của công ty A – Công ty A chưa nộp bản chính về Công ty P). Ngày 13/8/2018, xe ô tô được kiểm tra tại Công ty

TNHH O chi nhánh Tân Thuận. Biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 14/8/2018 của Công ty TNHH O chi nhánh Tân Thuận mô tả và xác nhận hư hỏng của xe ô tô là “ty cốt kê cốt kết không tự nâng lên hoặc hạ xuống và bầu hơi phộc sau phải xì”. Sau khi xem xét Biên bản kiểm tra kỹ thuật, Công ty P nhận thấy Biên bản kiểm tra kỹ thuật chưa thể hiện rõ ràng, chính xác các nội dung sau: (i) Chi tiết nào hư hỏng trong các bộ phận nêu trên; (ii) Nguyên nhân gây hư hỏng; (iii) Xe ô tô được sử dụng, bảo dưỡng theo đúng quy định của hãng Mercedes không? Do đó, Công ty P đã gửi công văn số 392/18/PAC-GĐBT ngày 25/09/2018 cho công ty A và Công ty TNHH O chi nhánh Tân Thuận đề nghị hỗ trợ làm rõ các vấn đề trên. Tuy nhiên, Công ty P không nhận được phản hồi từ Công ty A cũng như Công ty TNHH O chi nhánh Tân Thuận.

- Ngày 07/10/2018, lái xe của Công ty A phát hiện xe ô tô xuất hiện tiếng kêu (theo bản chụp thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của Công ty A – Công ty A chưa nộp bản chính về Công ty P). Ngày 08/10/2018, xe ô tô được kiểm tra tại Công ty TNHH O chi nhánh Phú Mỹ Hưng. Biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 10/10/2018 của Công ty TNHH O chi nhánh Phú Mỹ Hưng xác định “lốc lạnh (bơm nén hệ thống lạnh) đã gây ra tiếng kêu “cạch cạch” bất thường” cho xe ô tô. Sau khi nhận biên bản kiểm tra kỹ thuật, Công ty P gửi công văn số 459/18/PAC-GĐBT ngày 15/10/2018 cho Công ty A đề nghị Công ty A phối hợp với Công ty P yêu cầu hãng Mercedes cung cấp xác nhận bằng văn bản về việc xe ô tô được bảo trì, bảo dưỡng đúng quy định của hãng Mercedes. Ngày 17/12/2018 Công ty P nhận được công văn của Công ty A cho rằng đã cung cấp đầy đủ tài liệu. Trong biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 10/10/2018 của Công ty TNHH O chi nhánh Phú Mỹ Hưng, Công ty P thấy xe ô tô bảo dưỡng không đúng theo quy định bảo dưỡng thông thường (xe phải được bảo dưỡng sau mỗi 8000 km và không được vượt quá 10%, thực tế cho thấy, xe ô tô của Công ty A được bảo dưỡng vượt quá 16.000 km và vượt quá 13.000 km), do đó, Công ty P gửi công văn số 668/18/PAC-GĐBT ngày 20/12/2018 để yêu cầu Công ty A cung cấp xác nhận của hãng Mercedes đối với việc bảo trì, bảo dưỡng xe theo đúng quy định của hãng Mercedes. Cho đến nay, Công ty P vẫn không nhận được văn bản nào từ hãng Mercedes xác nhận xe ô tô được bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định. Theo Điều 7 của Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô, điều kiện tiên quyết để Công ty P xem xét giải quyết bồi thường là: “Chủ xe/lái xe có trách nhiệm sử dụng, bảo trì và chăm sóc xe theo như sổ tay hướng dẫn sử dụng xe của nhà sản xuất. Tất cả các dịch vụ bảo trì phải được thực hiện theo đúng hướng dẫn thì phạm vi bảo hiểm mở rộng bảo hành theo Quy tắc này mới có hiệu lực”. Do đó, văn bản xác nhận của hãng Mercedes về việc bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô của công ty A là văn bản quan trọng làm cơ sở cho công ty P xem xét, bồi thường cho công ty A.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH O có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, và trình bày: *vì trong quá trình làm việc với đại diện khách hàng và công ty bảo hiểm P: đã cung cấp đủ thông tin và tài liệu liên quan đến vụ kiện cho các bên...*

Bản án kinh doanh thương mại số 67/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 12, 17, 19, 28 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm P có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền là 125.964.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 6.298.200 đồng (Sáu triệu hai trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng), Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.149.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0032185 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2020, Công ty cổ phần bảo hiểm P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn Công ty P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ngày 30/9/2020 và trình bày: Công ty P đã bàn giao bộ hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm cho Công ty TNHH O và Công ty A kèm theo giải thích về điều kiện, điều khoản của hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm. Công ty A đã vi phạm Điều 7, 8 của Quy tắc bảo hiểm nên phạm vi bảo hiểm mở rộng bảo hành sẽ không phát sinh hiệu lực, không phát sinh bất kỳ trách nhiệm nào của Công ty P đối với 02 tổn thất của Công ty A. Mặt khác Công ty A yêu cầu bồi thường nhưng chưa cung cấp bản chính theo quy định khoản 1 Điều 15 Quy tắc bảo hiểm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn là người thụ hưởng, nhận Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm từ Công ty TNHH O, không được Công ty P giải thích gì về quy tắc, điều khoản để được bảo hiểm. Cả Công ty TNHH O và Công ty P không hề có khuyến cáo nào, xe tự động gài sẵn chương trình cảnh báo bảo dưỡng. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và thu thập chứng cứ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15/8/2019 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Căn cứ vào địa chỉ trụ sở của bị đơn, Tòa án nhân dân Quận 7 áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Công ty P làm trong hạn luật định, Công ty P đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xuất phát từ hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Công ty O với Công ty A, theo đó Công ty A được Công ty O tặng khuyến mãi một Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số PD02MOV1600019 ngày 05/01/2016, theo Hợp đồng bảo hiểm thì công ty TNHH O chi nhánh Trường Chinh là người mua bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm là xe ô tô hiệu Mercedes Benz – GL 350 CDI 4MATIC, mang biển số 62A – 045.16 do Công ty TNHH A làm chủ sở hữu. Thời hạn bảo hiểm là 02 năm từ 31/10/2017 đến 31/10/2019.

Tại Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô quy định:

- Phạm vi bảo hiểm: “1. P chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe ô tô chi phí thay thế, sửa chữa hợp lý của bất kỳ bộ phận được bảo hiểm nào, với điều kiện việc thay thế, sửa chữa đó:

- + Là bắt buộc phải tiến hành khi bộ phận đó đã bị hư hỏng do lỗi kỹ thuật, và
- + Xảy ra và thông báo trong thời hạn bảo hiểm.

- Điều kiện, điều khoản: Bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô: theo Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ/BH-PAC-15 ngày 23/3/2015 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.”

Xét trong Hợp đồng bảo hiểm cơ giới và Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô có ghi Phạm vi, quy tắc, điều khoản bảo hiểm theo Quyết định số 08/QĐ/BH-PAC-15, ngày 23/3/2015 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm P nhưng khi sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Công ty A, cơ sở pháp lý để Công ty P không chấp nhận bảo hiểm là Điều 7 của Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ/BH-PAC-15, ngày 23/3/2015 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm P) có quy định: “Điều kiện tiên quyết: Chủ xe/lái xe có trách nhiệm sử dụng, bảo trì và chăm sóc xe theo như sơ tay hướng dẫn sử dụng xe của nhà sản xuất. Tất cả các dịch vụ bảo trì phải được thực hiện theo đúng hướng dẫn thì phạm vi bảo hiểm mở rộng bảo hành theo quy tắc này mới có hiệu lực” đây là phần quan trọng nhất nhưng không được viện dẫn trong Hợp đồng bảo hiểm cơ giới. Tại Điều 7 khoản 2 của Hợp đồng bảo hiểm cơ giới có quy định: “Trách nhiệm của P: Giải thích cho chủ xe về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe/ lái xe khi tham gia bảo hiểm”. Tại phiên tòa đại diện Công ty A xác định chỉ nhận được Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô, Quy tắc bảo hiểm gia hạn bảo hành xe ô tô từ

Công ty TNHH O không có hợp đồng bảo hiểm và không được Công ty P giải thích về quy tắc, điều khoản, điều kiện được bảo hiểm. Đại diện Công ty P xác định đã giải thích cho Công ty O về Quy tắc bảo hiểm, tuy nhiên ở cấp phúc thẩm bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bị đơn đã làm hết trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Điều 17, khoản 1 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Xét tại văn bản mở rộng lịch sử dịch vụ, ý kiến về việc bảo dưỡng của xe ngày 12/8/2020 đính kèm Công văn số 0820/CVTL-AT ngày 18/8/2020 của Công ty TNHH O và văn bản số 668/18/PAC-GĐBT ngày 20/12/2018 của Công ty P, Hội đồng xét xử xét thấy, đúng là Công ty A có bảo trì trễ hạn theo hướng dẫn lần 2,3 (từ 14/4/2016 đến 20/7/2016) trong thời gian chịu trách nhiệm bảo hành của Công ty O, và lần 8,9 (từ 20/11/2017- 13/3/2018) trong thời gian chịu trách nhiệm bảo hiểm của Công ty P (Văn bản ngày 12/8/2020 của Công ty O liệt kê thiếu một lần sửa chữa ngày 25/8/2018 nên ghi quãng đường vượt quá 5.813km là chưa chính xác). Tuy nhiên qua các biên bản kiểm tra kỹ thuật của Công ty O, Biên bản giám định Công ty P xác nhận do chính Công ty P phát hành thì hư hỏng của xe không phải là hậu quả của việc bảo trì, bảo dưỡng không đúng hướng dẫn của nhà sản xuất. Việc xe bị hư hỏng do lỗi kỹ thuật nên án sơ thẩm nhận định là có cơ sở.

[2.2] Tại phiên tòa Công ty P trình bày tính đến nay Công ty P chưa nhận được các văn bản yêu cầu bồi thường bản chính của Công ty A. Xét về thực tế Công ty P có nhận được yêu cầu bồi thường theo hợp đồng của Công ty A nhưng theo nhận định của Công ty P thì Công ty A không đủ điều kiện để được bồi thường, lý do Công ty P đưa ra về thủ tục là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ các nhận định trên có cơ sở để xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty P, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: trong hợp đồng hai bên không thỏa thuận lãi suất do chậm thanh toán trên số tiền phải trả, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định phù hợp theo quy định của pháp luật, do đây là vụ án kinh doanh thương mại cần phải áp dụng Điều 306 Luật thương mại, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa chính xác.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn là 6.298.200 đồng (Sáu triệu hai trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty P không được chấp nhận nên Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 30, 38, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; Căn cứ các Điều 12, 17, 19, 28 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010); Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Căn cứ Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm P có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền là 125.964.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo Điều 306 Luật thương mại.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 6.298.200 đồng (Sáu triệu hai trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng), Công ty cổ phần bảo hiểm P phải chịu.

+ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Công ty Cổ phần Bảo hiểm P được căn trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0041551 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.149.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0032185 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- TAND Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Thảo**